



Tình người chốn quê

■ SƯƠNG NGUYỆT MINH

Tôi sinh ra ở nhà quê, lớn lên ở nông thôn.

Ba mươi năm sống ở Thủ đô Hà Nội, nhưng chưa bao giờ tôi là người thành phố của cây com nguội, của “Hồ Tây chiều thu, mặt nước vàng lay bờ xa”, của “chim sâm cầm nhỏ vỗ cánh mặt trời”. Tôi luôn có một niềm tin vững chắc rằng: 30 năm, thậm chí 70 năm vẫn chưa đủ thời gian để biến một đứa trẻ đồ hỏn ở xứ nghèo đồng chiêm trũng oằm oạp nước cả mùa giáp hạt Ninh Bình quê tôi trở thành một người Tràng An - Hà Nội. Hướng chi tôi sinh ra, lớn lên gần hai chục năm ở xóm mạc, ruộng đồng đã kịp hình thành tính cách nhà quê một cách vững bền, kiên cố, không dễ gì đổi thay được. Vậy thì, dứt khoát phải có điều gì đó làm nên căn cốt Người ở chốn quê đến mức bền lâu như thế!

Tuổi thơ tôi là những ngày ngập lặn

tắm tấp, mò cua, bắt ốc, lấy rong, ngắt bông súng ở đầm, hồ, sông ngòi và cánh đồng đầu làng trải rộng đến chân đê sông Bút. Ngồi trên lưng trâu nghe sáo diều thả lên từng không diu dặt trong các buổi chiều tàn, mặt trời lụi dần gác trên đỉnh núi con Rùa buông nhẹ một màu đỏ ối. Hoàng hôn ánh xạ vô vàn sắc màu lung linh lên những đám mây nhàn tản trôi an lành. Tôi cứ tự hỏi: đằng xa phía chân trời kia là cái gì?

Phải rất lâu sau, đi gần khắp các nẻo đường gập ghềnh đất nước, tôi mới nhận ra: Phía chân trời xa kia là một cõi hoàn toàn mới lạ, là thế giới của những người công chức, thị dân dưới ánh đèn điện phố phường. Họ có đời sống, có tư duy, cách nghĩ và sinh hoạt khác biệt với người nông dân chân lấm tay bùn lam lũ cảm lơn ao bèo, thì thục cõi chày giã gạo

dưới ánh đèn dầu hỏa tù mù sớm hôm khuya khoắt trong lũy tre làng. Tôi đồ rằng, cũng sẽ có bao nhiêu thằng trai mới lớn như tôi đã từng tò mò và băn khoăn về chân trời xa như thế. Quá trình nhận thức về cõi lạ, về thế giới mới dần thân cũng là hành trình đi tới hiểu ra con người và quê hương mình.

Thời chiến tranh chống Mỹ, trai tráng làng tôi ra trận hết, xóm thôn toàn ông già, bà lão, trẻ con, toàn đàn bà con gái. Cái không khí vắng vẻ, hiu hiu, trầm lắng đến lạnh lẽo bởi phần âm trội hơn phần dương ở làng cứ bám riết tôi đến tận bây giờ.

Rồi người mẹ khốn khổ gạt nước mắt giao đứa con trai mười bảy tuổi - thằng đàn ông thợ cày cuối cùng của làng cho bộ đội; Và ngay từ phút giây ấy, người mẹ biết mình sẽ luôn sống bất ổn trong tâm trạng cầu may,

pháp phỏng chẳng biết khi nào đứa con sẽ trở về.

Có ở nơi đâu trên cõi dương gian này, người vợ ở đằng đẵng chờ chồng năm năm, mười năm, chờ từ cái đêm hết thời thiếu nữ chưa kịp làm thiếu phụ mòn mỏi thiếu vắng đàn ông đến lúc thành “bà cô”, đến tận ngày thảng lọi cuối cùng mà chồng đi trận vẫn chưa về?

Có! Những người thợ cấy làng quê tôi như thế!

Làng vắng bóng đàn ông trai tráng. Thợ cấy cầm súng ra trận hết. Không còn cái cảnh đầm ấm, náo nức:

“Trên đồng cạn dưới đồng sâu

Chồng cấy vợ cấy con trâu đi bừa.”

Những người đàn bà cấy hái làng tôi lại thay chồng thay con trai cầm cây. Con trâu đi trước, cái cấy theo sau và sau cùng là người đàn bà một tay cầm chuôi cấy, một tay cầm thùng “vắt...vắt”, “diệt...diệt”. Cảnh đồng làng mệnh mông chỉ toàn thấy trâu

cày đen nhánh và đàn bà đội nón trắng gài lá xanh ngụy trang nhấp nhô. Lưỡi cày sâu sát tầng đất gan gà. Đất lật lên cuộn cuộn. Rãnh cày sâu in dấu móng guốc chân trâu và in cả bàn chân phụ nữ vàng phèn ngả màu vàng đã góc cạnh, chai sần. Ôi! Cái vẻ đẹp dịu dàng lẽ ra cần được nâng niu, tựa đỡ, chăm bẵm thì phải làm công việc cơ bắp thay đàn ông lực điền “cổ cày vai bừa” đã ra trận.

Chị dâu tôi cũng là một thợ cấy thợ cấy, năm nay ngoài 70 tuổi. Hơn nửa thế kỷ, chị làm dâu nhà tôi khi tóc còn cum cúm, hoe hoe đỏ đuôi gà, đến nay tóc đã bạc trắng. Chẳng biết bao nhiêu nắng mưa dội xuống đầu chị tôi, không biết bao nhiêu gió bão đi qua vạt áo nâu màu đất và mái tóc đổi màu theo tháng năm. Tôi vẫn nhớ, chị dâu có bầu đứa thứ 10. Vụ giáp hạt năm ấy đồng không sông cạn, nước trong veo bởi cách đó mấy tháng lụt mênh mang, lúa má mất sạch, cả làng đói, cả nước đói. Một đàn con lau nhau. Chị dâu tôi

vác cái bụng kệnh kệnh như con nhện chửa đi xe bò chở đá. Vậy mà, “đói ăn đầu gối phải bò”, chị tôi vẫn dong con bò mộng lông đen nâu và cái xe bò bánh lốp định mệnh ra khỏi nhà theo tiếng khóc của bảy con nheo nhóc đang đói dặc dài. Con bò nhả nai leo dốc cầu Bút. Đá xếp ở thùng xe nặng quá, càng xe vồng lên. Con bò ghi cổ họng ấn vòng dây giữ ách, ịch lên cầu. Nhọc nhằn lên cầu bao nhiêu thì khốn nạn lúc xuống dốc bấy nhiêu. Dốc cầu bên này độ nghiêng nhiều hơn. Mấy khối đá chất trên cái xe bò bánh lốp ách lên vai con bò. Dốc nghiêng quá, xe lao nhanh. Con bò đã hết sức ghi, nó cứ thế chạy phăm phăm. Bánh lốp lăn trên mặt đường dốc gập phải hòn đá, xe quật sang một bên, hất chị dâu tôi cùng cái bụng chửa xuống mặt đường gồ ghề đá rậm, đá học. Chị dâu xảy thai. Số phận đứa con thứ 10 không được sống ở trần gian gắn với chuyến xe bò bánh lốp chở đá định mệnh...

Có bao nhiêu người đàn bà nông dân





như chị dâu tôi?

Tôi bắt gặp nỗi lo lắng trên gương mặt của cô ruột tôi. Bà cô ca cẩm: “Khổ thân chúng mày! Đi làm việc Nhà nước vất vả quá. Mới bước sang tuổi năm mươi mà tóc đã bạc, mặt vêu vao, khắc khổ, âu sầu. Có ăn được không cháu?”. Con tôi nhanh nhẩu trả lời thay: “Bố cháu ăn được, uống được. Toàn đi ăn đặc sản nên béo ú đấy bà ạ”. Bà cô hỏi: “Ăn đặc sản là ăn cái gì mà mày khoe cho bố?” Con tôi thưa: “Dạ! Con niêu ạ. Ốc nhồi hấp lá chanh. Gà ri, ba ba,

cá chép. Cá bống kho rau răm. Lòng lợn xe điếu, cổ hủ dạ dày. Rau lang luộc. Mắm cáy, mắm tép riêu ạ...”. Bà cô kêu gọi kêu đất: “Tuồng gì. Toàn đồ ăn của con nhà nông nghèo. Khốn nạn, rau lang thì bấu gì. Tháng ba bà hái cả rổ. Tát ao lên nào cũng cả gánh ba ba, ăn không hết đem bán, đem cho é hề. Con niêu thì ngày nào bà cũng ăn, gạo nấu nổi đồng, nổi gang, nổi nhôm, bà không ăn được, nó tanh đồng lắm. Ngày xưa, bố mày đã chửi đập vỡ không biết bao nhiêu chũm kho cá với niêu đất. Lửa đun to quá mà,

mảnh vỡ ném đầy bụi tre ấy. Khốn khổ! Cái thứ nhà quê chúng tôi ăn chán chê, ăn phát ngán lúc giáp hạt ngày ba tháng tám thì phố phường các anh lại coi là báu vật đặc sản...”

Chân chất, lành hiền, nhưng bà cô tôi ngờ ngác không hiểu nỗi phố phường, đô hội tân tiến thế mà lại coi rau lang luộc, ngon bí ngon bầu xào, con ốc nhồi hấp lá chanh là... đặc sản. Cứ như trong tâm tưởng “những con khủng long vĩ đại” còn sót lại từ đầu thế kỷ XX thì chúng tôi là người thành phố dốt khoát phải



ăn giò chả, dăm bông, xúc xích, Lạp suôn... những thứ cao sang ấy còn đọng lại trong trí nhớ mờ mờ của các bà từ vài lần nhìn thấy ở cửa hiệu ăn sang trên thị xã Ninh Bình.

Những người nông dân ở đâu trên vùng châu thổ sông Hồng cũng có đức tính “nhịn ăn đãi khách”. Nhà nghèo khó mấy, nhưng khách quý đến nhà cũng làm cỗ đãi, dù chỉ còn con gà mái ở cuối cùng đang đẻ trứng cũng làm thịt. Con cháu đi xa sống ở thành phố không giàu có nhưng cũng chẳng nghèo. Mỗi lần về quê là

chị dâu, chị gái, hoặc cô dì, chú bác... lại dốc lọ dốc chai đựng lạc nhân, đỗ đen, hoặc xúc gạo nếp trong chính ra gói lại bắt mang theo bằng được. Không nhận là giận dỗi, là nói khi rằng: Chúng mày giàu có rồi, ăn gì những thứ này. Chúng mày chê nhà cô (nhà chị) nghèo. Cái khách khí, giữ ý giữ tứ thường bị cái tình cảm thân mật, đáng yêu lấn lướt, trên hết còn lại là chữ Tình. Những ngày giáp Tết, và cả ngày ba mươi nữa, trong làng cứ khao nhau con nhà này đã về, con nhà kia chưa thấy tăm hơi. Đến ngày cũng mừng một, mừng hai Tết thì ai ai ở

làng cũng có thể bấm ngón tay, kể vanh vách tên tuổi của những người xa xứ về quê ăn Tết. Chả bù cho lối phố nhà tôi, “đèn nhà ai nhà nấy rạng”, Tết nhất đóng cửa im im, nhà nào biết phận nhà nấy, thậm chí ông hàng phố chết ở bệnh viện cả năm rồi mà nhà bên chẳng biết.

Dường như bạn bè tôi người nào cũng bảo về quê ăn Tết vui hơn ở thành phố. Là bởi, cùng cơ quan ngày nào cũng nhìn thấy nhau nhẵn mặt, ngày nào cũng nói chừng ấy câu chuyện, Tết gặp nhau chẳng biết nói gì, ngoài màn chúc xã giao, rồi nâng ly chạm cốc. Tết nhất cứ có tiền, phóng ô tô ra siêu thị chừng một giờ đồng hồ thì đủ cả mứt, bánh chưng, bánh tét, giò chả, bánh kẹo... Nhà nỡ, thành thạo, nhưng chẳng có cái thú vui rộn rịch tát ao từ ngày Ông Táo lên châu Giời 23 tháng Chạp, sẽ chẳng có cái cảnh quây quần quanh nong gói bánh chưng, người lau lá, kẻ vo gạo và đêm Giao thừa ngồi canh nồi bánh chưng nghe bà nội kể chuyện bánh chưng bánh dày của Lang Liêu. Rồi ngồi tính nhẩm một năm làm được bao nhiêu tấn thóc, bán mấy lúa lợn, nuôi được mấy chục con gà... niềm vui ngày Tết bình dị, hạnh phúc biết bao. Tất nhiên, cái tình người vẫn náo nức, ngong ngóng hỏi thăm bạn bè cùng học thuở cấp 3, bạn bè thời đi lính... ai mất ai còn. Tết Nguyên đán còn như là cái cơ để người ở nhà gặp người đi xa, người đi xa gặp người đi cùng trở về. Tất nhiên, bên mâm cơm ngày cuối năm, không ít người chọt lên lau giọt nước mắt vừa ứa ra vì bỗng dung những năm tháng thợ cày thợ cấy ra trận, và xót xa nhớ ai đó còn nằm lại giữa đại ngàn, Tết này vẫn chưa về.

Thèm quá cái tình người ở chốn quê!